### BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Về dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số chính sách thuế TNDN hỗ trợ, phát triển DNNVV

**----------------------------------**

| **STT** | CƠ QUAN, TỔ CHỨC | **Ý KIẾN THAM GIA** | **Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **CÁC BỘ NGÀNH** |  |  |
|  | **Bộ Thông tin và truyền thông (Cv số 973/BTTTT-CNTT ngày 02/4/2019)** | Nhất trí với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **Bộ Giao thông Vận tải (Cv số 3010/BGTVT-QLDN ngày 02/4/2019)** | Thống nhất với dự thảo NQ. |  |
|  | **Bộ Công an (Cv số 917/BCA-ANKT ngày 09/4/2019)** | - Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo NQ.  - Đề nghị chỉnh sửa và kiểm tra lỗi chính tả tại dự án NQ của QH. |  |
|  | **Ủy ban dân tộc (Cv số 301/UBDT-KHTC ngày 29/3/2019)** | Nhất trí với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **Đài truyền hình Việt Nam (Cv số 352/THVN-VP ngày 29/3/2019)** | Thống nhất với nội dung Dự thảo. |  |
|  | **Thông tấn xã VN (Cv số 240/TTX-KHTC ngày 29/3/2019)** | Hoàn toàn nhất trí . |  |
|  | **Bộ Xây dựng (Cv số 784/BXD-QLDN ngày 18/4/2019)** | - Đề nghị giải thích loại hình “tổ chức” là loại hình gì ngoài hai đối tượng áp dụng là “doanh nghiệp, Hợp tác xã” được quy định tại Điều 1 của dự thảo.  - Đề nghị bổ sung thêm quy định thuế xuất đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu dưới 03 tỷ đồng, xong không đạt tiêu chí có lao động tham gia bảo hiểm xã hội, do thực tế hiện nay các doanh nghiệp siêu nhỏ người lao động không có hợp đồng lao động, không tham gia đóng bảo hiểm xã hội đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng.  - Đề nghị bổ sung vào khoản 2 Điều 4 dự thảo việc: Chính phủ quy định cụ thể các chi phí được trừ vào thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp, danh mục chi phí không được trừ, việc đơn giản hóa về chính sách thuế, việc thực hiện thuế điện tử nhằm giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ giảm bớt gánh nặng về chi phí tuân thủ. Việc xử lý tình trạng lợi dụng chính sách để tránh thuế bằng cách giữ các tiêu chí để được xác định là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ nhằm hướng các chính sách ưu đãi về thuế. |  |
|  | **Bộ Văn hóa thể thao và du lịch (Cv số 1231/BVHTTDL-KHTC ngày 02/4/2019)** | - Thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.  - Tại Tờ trình Chính phủ đề nghị BTC có phân tích đánh giá so sánh hiệu quả khi triển khai áp dụng tại các mức thuế suất khác nhau trước khi đề xuất áp dụng mức thuế suất TNDN từ 15-17%. | Bộ Tài chính đã thể hiện tại Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị quyết. |
|  | **Bộ Ngoại giao (Cv số 1142/BNG-THKT ngày 02/4/2019)** | 1. Về cơ bản nhất trí với đề xuất xây dựng Hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội để tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.  2. Đề nghị rà soát và có báo cáo đánh giá về tính tương thích của các quy định trong dự thảo Nghị quyết với các điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên (đang có hiệu lực) để Bộ Ngoại giao có ý kiến theo yêu cầu tại phần IX dự thảo Tờ trình Chính phủ.  3. Đề nghị rà soát để thống nhất các nội dung trong hồ sơ liên quan đến quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết (như tiêu chí xác định DNNVV được hưởng ưu đãi) và cân nhắc chỉnh sửa một số điểm về câu chữ tại dự thảo Tờ trình Chính phủ. | - Các Điều ước quốc tế trong lĩnh vực tài chính mà Việt Nam là thành viên không có quy định về nội dung này.  - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến để chỉnh sửa về câu chữ tại các dự thảo. |
|  | **Bộ Quốc phòng (Cv số 3196/BQP-TC ngày 29/3/2019)** | - Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo.  - Ngoài ra có ý kiến như sau: đề nghị nghiên cứu thời điểm xác định doanh thu làm cơ sở để tính thuế suất thuế TNDN. Lý do: Theo dự thảo NQ, thời điểm xác định doanh thu của doanh nghiệp làm cơ sở tính thuế suất là năm trước liền kề. Tuy nhiên sẽ có khả năng xảy ra trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu của năm trước liền kề thấp dưới 3 tỷ đồng nhưng doanh thu trong năm thực hiện tăng đột biến trên 50 tỷ đống mà vẫn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 15%. | - Trong thực tế, trường hợp doanh nghiệp có mức doanh thu tăng đột biến từ dưới 3 tỷ đồng lên mức trên 50 tỷ đồng có thể xảy ra nhưng chỉ là số ít, hãn hữu. Và nếu có xảy ra thì ở kì tính thuế tiếp theo doanh nghiệp phải chuyển sang áp dụng mức ưu đãi theo kết quả thực tế đã thực hiện. |
|  | **Bộ Nội vụ (Cv số 1381/BNV-PC ngày 29/3/2019)** | Về cơ bản, thành phần hồ sơ được xây dựng theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL. Tuy nhiên hồ sơ chưa làm rõ được cơ sở của việc quy định thời gian miễn thuế, mức thuế suất được áp dụng tại điều 2 dự thảo NQ. Do vậy đề nghị bổ sung vào Báo cáo đánh giá tác động cơ sở của các nội dung quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, từ đó có phương án giải quyết phù hợp. | - Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ đã trình bày, phân tích cụ thể việc xác định các mức ưu đãi. |
|  | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cv số 2444/BKHĐT-PTDN ngày 17/4/2019)** | 1. Thống nhất về sự cần thiết ban hành NQ.  2. Tại Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị quyết có nêu: Việt Nam hiện có hơn 600 nghìn doanh nghiệp. Theo Báo cáo Tình hình phát triển doanh nghiệp năm 2018 của Bộ KH&ĐT trình TTgCP tính đến 20/12/2018, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động là 715.000 doanh nghiệp (số liệu từ cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh và thuế). Do đó, đề nghị rà soát lại nhằm đảm bảo tính thống nhất về số liệu trong các báo cáo của Chính phủ.  3. Về miễn thuế TNDN (khoản 1 Điều 2): dự thảo NQ đề xuất miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ và cá nhân kinh doanh.  Căn cứ tiết b,c khoản 2 Điều 16 Luật Hỗ trợ DNNVV, cấc DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh đáp ứng đủ điều kiện được miễn lệ phí môn bài, được tư vấn hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp GCNĐKKD lần đầu.  Do đó, nhằm tạo tính đột phá thúc đẩy mạnh mẽ hộ kinh doanh chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp đề nghị BTC nghiên cứu, sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 2 của dự thảo NQ theo hướng miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với đối tượng DNNVV thành lập từ hộ kinh doanh (thay vì 02 năm như dự thảo NQ)  4. Về các trường hợp không áp dụng các chính sách ưu đãi thuế TNDN tại dự thảo NQ (khoản 5 Điều 2):  Dự thảo NQ quy định không áp dụng các chính sách ưu đãi thuế tại NQ này đối với các trường hợp: công ty con hoặc các công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp thuộc các đối tượng quy định tại NQ này.  Trên thực tế hiện nay các doanh nghiệp lớn, tập đoàn tư nhân trong và ngoài nước có xu hướng đầu tư góp vốn, mua lại phần vốn góp hoặc liên kết với các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (startup). Đây là 1 trong những nguồn vốn quan trọng để giúp startup phát triển.  Nếu áp dụng quy định nêu trên của dự thảo NQ thì trường hợp các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo nhân vốn góp hoặc liên kết với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn có thể sẽ không được hưởn chính sách ưu đãi thuế TNDN theo quy định của NQ. Như vậy, việc loại trừ toàn bộ các công ty con hoặc các công ty có quan hệ liên kết ra khỏi đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN có thể có những tác động không tích cực đối với khối DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.  Do đó đề nghị BTC bổ sung làm rõ căn cứ, đồng thời nghiên cứu sửa đổi quy định nói trên nhằm hỗ trợ thúc đẩy các DNNVV KNST phát triển theo đúng chủ trương của Đảng và CP hiện nay.  5. Về trình tự, thủ tục xây dựng NQ và hiệu lực thi hành của NQ  Luật Hỗ trợ DNNVV có hiệu lực từ ngày 01/1/2018. Theo như tiến độ đề xuất của BTC tại Tờ trình thì dự kiến dự thảo NQ được trình QH xem xét thông qua tại kỳ họp tháng 10 năm 2019. Như vậy, NQ sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2020, trong 02 năm (2018, 2019) các DNNVV sẽ chưa được hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV.  Vì vậy, để DNNVV sớm được thụ hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN, đề nghị Quý Bộ báo cáo CP trình QH để xây dựng NQ theo trình tự, thủ tục rút gọn: trình QH bổ sung nhiệm vụ xây dựng NQ trong Chương trình xây dựng luât, pháp lệnh năm 2019, đồng thời thông qua NQ trong kỳ họp QH vào tháng 5 năm 2019. Theo đó, chính sách ưu đãi thuế TNDN cho đối tượng DNNVV có thể được áp dụng ngay từ ngày 01/7/2019. Đồng thời đề nghị điều chỉnh thời hạn có hiệu lực tại dự thảo NQ phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng theo quy trình rút gọn. | - Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ KHĐT để hoàn chỉnh số liệu, chi tiết theo cơ cấu nhóm doanh nghiệp trước khi trình Chính phủ.  - Tại dự thảo Tờ trình đã phân tích cơ sở xác định mức ưu đãi về thời gian miễn thuế 02 năm đối với hộ kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.  - Để hạn chế tình trạng lợi dụng chính sách, thành lập các công ty con là DNNVV nhằm chuyển lợi nhuận và hưởng ưu đãi, Bộ Tài chính đề nghị giữ như nội dung dự thảo.  - Do kì tính thuế TNDN theo năm và để đảm bảo công tác xây dựng, ban hành Nghị quyết và công tác chuẩn bị, tổ chức thực hiện, Bộ Tài chính đề nghị giữ như dự thảo. |
|  | **Ngân hàng nhà nước VN (Cv số 2282/NHNN-PC ngày 02/4/2019)** | - Đề nghị xem lại đối tượng áp dụng là “hợp tác xã, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật VN” để đảm bảo phù hợp vì nội dung Tờ trình CP, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động không đề xuất chính sách thuế TNDN hỗ trợ các đối tượng này.  - Đề nghị làm rõ đối tượng của chính sách hỗ trợ có bao gồm “doanh nghiệp vừa” không vì nội dung chính sách không thể hiện hỗ trợ, khuyến khích đối với đối tượng này; làm rõ tiêu chí xác định thế nào là “doanh nghiệp chuyển đổi từ cá nhân kinh doanh” và làm rõ “doanh nghiệp chuyển đổi từ cá nhân kinh doanh” có được hỗ trợ miễn, giảm thuế TNDN không vì Luật Hỗ trợ DNNVV không quy định miễn, giảm thuế TNDN đối với đối tượng này.  - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về điều kiện được miễn thuế TNDN trong 02 năm để tránh trường hợp thành lập hộ, cá nhân kinh doanh trước rồi mới chuyển lên doanh nghiệp để được hưởng ưu đãi và đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 16 Luật hỗ trợ DNNVV.  - Việc quy định tiêu chí phân loại doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp nhỏ như đề xuất sẽ bỏ xót trường hợp có doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới 03 tỷ đồng và số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm trên 10 người; trường hợp DN trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có tổng doanh thu của năm trên 50 tỷ nhưng không quá 100 tỷ...Do vậy, đề nghị chỉnh sửa lại nội dung giải pháp đề xuất để bao quát các trường hợp trên thực tế, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp.  - Đề nghị xem xét, rà soát, chỉnh sửa các nội dung tương ứng với các ý kiến góp ý đối với dự thảo Tờ trình CP và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động. | - Để phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN, đảm bảo chính sách được áp dụng thống nhất giữa các đối tượng cùng đáp ứng các tiêu chí của DN siêu nhỏ và nhỏ, đồng thời tiếp tục hỗ trợ, phát triển hợp tác xã theo chủ trương của Đảng, của quốc hội, đề nghị giữ nội dung quy định về phạm vi đối tượng áp dụng như tại dự thảo.  - Tại dự thảo Tờ trình phân tích rõ quan điểm đề xuất ưu đãi không áp dụng đối với “doanh nghiệp vừa”.  - Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến tham gia để chỉnh sửa lại nội dung tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết nhằm tránh tình trạng lợi dụng, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Hỗ trợ DNNVV:  *“1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ~~, cá nhân~~ kinh doanh.*  *a) Hộ kinh doanh quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật, đồng thời có thời gian sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 12 tháng tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.”.*  - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến để chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.  - Bộ Tài chính đã tiếp thu, rà soát để hoàn chỉnh nội dung các tài liệu liên quan. |
|  | **Thanh tra Chính phủ (Cv số 471/TTCP-V.II ngày 03/4/2019)** | Thanh tra CP cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo NQ về thực hiện các giải pháp miễn, giảm thuế TNDN đối với DNNVV nhằm hỗ trợ, phát triển DNNVV theo tinh thần NQ số 10-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14. Tuy nhiên để chính sách thuế TNDN hỗ trợ, phát triển DNNVV thực sự phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của DN thì cần phải thực hiện đồng bộ việc cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp và pháp luật thuế. |  |
|  | **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cv số 2391/BNN-QLDN ngày 08/4/2019)** | 1. Góp ý điểm 2,3,4 Điều 2 Dự thảo:  - Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm dưới 03 tỷ đồng và có số lượng lao động tham gia BHXH bình quân năm không quá 10 người, *hoặc có thu nhập doanh nghiệp dưới 01 tỷ đồng.*  - Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ 03 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng và có số lao động tham gia BHXH không quá 100 người, *hoặc có thu nhập doanh nghiệp từ 01 tỷ đồng trở lên.*  *-* Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại Điều này là tổng doanh thu của năm trước liền kề *hoặc thu nhập hàng năm theo quyết toán của doanh nghiệp.*  - *Việc lựa chọn nộp thuế TNDN trên doanh thu hay thu nhập doanh nghiệp do doanh nghiệp quyết định.*  Lý do: Có loại hình DN doanh thu thấp nhưng tỷ suất lợi nhuận cao như nghề tư vấn, thiết kế, sản xuất phần mềm máy tính...Có những ngành nghề doanh thu cao nhưng tỷ suất lợi nhuận thấp như kinh doanh thương mại, xây dựng vận tải,...Việc có thêm hình thức nộp theo mức thu nhập vừa tạo điều kiện cho DN vừa tránh tình trạng trốn doanh thu nhằm trốn thuế, đặc biệt là nhóm doanh thu trên dưới 50 tỷ đồng.  2. Góp ý điểm 5 Điều 2 dự thảo:  Xin bổ sung không áp dụng cho trường hợp sau:  - *Thu nhập từ tham gia, mua bán hàng, hóa tài sản đấu giá.*  Lý do: để tránh lợi dụng việc thành lập DNVVN hoặc lấy pháp nhân của các DNVVN để tham gia đấu giá hàng hóa, tài sản nhằm hưởng lợi mức thuế TNDN thấp. | - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến tham gia để chỉnh sửa nội dung Điều 2 dự thảo Nghị quyết theo hướng áp dụng ưu đãi phù hợp với trường hợp doanh nghiệp chỉ đáp ứng 01 tiêu chí về doanh thu (không đáp ứng tiêu chí về lao động).  - Để doanh nghiệp tiến tới thực hiện chế độ kế toán, chứng từ theo hướng minh bạch, lành mạnh tại dự thảo Nghị quyết được thể hiện theo hướng doanh nghiệp phải thực hiện chế độ hóa đơn, chứng từ và kế toán theo quy định của pháp luật để áp dụng ưu đãi; trường hợp doanh nghiệp không thể thực hiện được chế độ chứng từ nhằm xác định chi phí, thu nhập thì mới áp dụng tính, nộp thuế theo doanh thu. Do vậy, đề nghị cho giữ như nội dung dự thảo.  - Pháp luật về thuế TNDN hiện hành không có quy định loại trừ áp dụng ưu đãi thuế đối với thu nhập từ tham gia mua, bán hàng hóa, tài sản đấu giá. Luật Hỗ trợ DNNVV cũng đã có quy định việc áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các đối tượng DNNVV trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ. Do vậy, đề nghị cho giữ như nội dung dự thảo. |
|  | **Bộ Lao động thương binh và xã hội (Cv số 1334/LĐTBXH-BHXH ngày 8/4/2019)** | - Nhất trí quan điểm cần có chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; đặc biệt là nhóm doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm xã hội cho người lao động tại các doanh nghiệp được ưu đãi thuế; bảo đảm sự công bằng giữa doanh nghiệp tuân thủ và không tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đề nghị cân nhắc bổ sung thêm điều kiện doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật mới được hưởng chính sách miễn, giảm thuế. Do đó, đề nghị bổ sung vào cuối khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết nội dung sau:  *“- Trong kỳ tính thuế có vi phạm các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp”*.  - Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, bổ sung quy định cho những doanh nghiệp này được tùy chọn kê khai và nộp thuế và bảo hiểm xã hội một lần tại cơ quan thuế hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội, đồng thời cân nhắc, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết của Quốc hội chính sách linh hoạt về tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cụ thể như sau:  *“Đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh mà có quy mô dưới 10 lao động thì người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận để lựa chọn tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đầy đủ các chế độ hoặc chỉ tham gia các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong 02 năm đầu tiên kể từ ngày phát sinh đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Luật Bảo hiểm xã hội.*  *Hết thời hạn 02 năm kể trên, doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đầy đủ các chế độ theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội”.* | Đề xuất của Bộ LĐTBXH chưa có nội dung đánh giá tình hình thực hiện, cơ sở pháp lý và thực tiễn của đề xuất, và nhất là chưa có đánh giá tác động của đề xuất.  Tại các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cũng như tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019, thì đều có nội dung yêu cầu Bộ Tài chính trình Chính phủ về Nghị quyết về một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.  Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị trước mắt chưa đưa nội dung đề xuất của Bộ LĐTBXH vào dự thảo Nghị quyết và sẽ tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan để nghiên cứu, hoàn thiện nội dung hồ sơ dự án. |
|  | **Bộ Tư pháp (Cv số 1256/BTP-PLDSKT ngày 12/4/2019)** | *1.Về sự cần thiết ban hành văn bản*  Tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Điều 10 của Luật này quy định chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để cụ thể hóa chính sách nêu trên trong thời điểm Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang trong quá trình nghiên cứu để sửa đổi toàn diện thì việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội để quy định về một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là cần thiết. 2.Về nội dung đề nghị xây dựng Nghị quyết Về các nội dung, giải pháp và chính sách xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu thêm một số vấn đề sau đây:  Về đối tượng áp dụng, Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định như sau:  *“Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp , hợp tác xã, tổ chức được thành*  *lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết này”.* Tuy nhiên, nội dung chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh mà không đề cập đến đối tượng là hợp tác xã, và tổ chức. Đồng thời, tên gọi của dự thảo Nghị quyết *“Nghị quyết của Quốc hộivề một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được hưởng chính sách hỗ trợ thuế như thế nào.  Bộ Tư pháp cho rằng, ngoài chính sách khuyến khích hộ, cá nhân kinh doanh chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp thì cần phải nghiên cứu chính sách hỗ trợ thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp để đồng bộ với quy định tại Điều 10 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.  - Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa và giao Chính phủ quy định chi tiết. Theo đó, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa được căn cứ theo lĩnh vực và doanh thu hoặc theo tổng nguồn vốn. Tuy nhiên, Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh; doanh nghiệp có tổng doanh thu hàng năm dưới 03 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người (thuộc nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ); doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người (thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ). Tại trang 7 Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính có nêu việc lấy tiêu chí xác định doanh nghiệp theo doanh thu thì cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế đã có sẵn nên thuận lợi hơn trong việc quản lý khi lấy theo tiêu chí vốn. Như vậy, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 113/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp với tiêu chí xác định doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế tại dự thảo Nghị quyết chưa có sự thống nhất. Trường hợp, pháp luật về thuế không cụ thể hóa được chính sách hỗ trợ về thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tiêu chí quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa cho phù hợp với thực tế quản lý và khả thi trong quá trình triển khai thực hiện, tránh mẫu thuẫn, chồng chéo.  Để tránh việc doanh nghiệp lợi dụng hưởng chính sách miễn thuế trong 02 năm đầu sau đó giải thể và thành lập doanh nghiệp mới, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung chế tài đối với trường hợp nêu trên. 3. Về báo cáo đánh giá tác động Các chính sách đề nghị trong xây dựng dự thảo Nghị quyết đã được thể hiện trong Báo cáo đánh giá tác động. Tuy nhiên, nội dung đánh giá tác động chưa đảm bảo đúng quy định của Điều 35 Luật ban hành văn bản quy phạm luật. Theo đó, báo cáo đánh giá tác động cần làm rõ chi phí lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp  *4. Về trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết*  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đầy đủ quy định về trình tự, thủ tục lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết theo quy định tại Chương III Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và mục 2 Chương II Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định. | - Để chính sách ưu đãi đúng đối tượng, phát huy hiệu quả cao trong việc khuyến khích hộ kinh doanh lên doanh nghiệp, Bộ Tài chính đề nghị cho giữ như nội dung dự thảo.  - Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ đã phân tích rõ lý do lựa chọn tiêu chí phân loại DNNVV hưởng ưu đãi, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện.  - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến này để hoàn chỉnh, bổ sung dự thảo Nghị quyết nội dung quy định về điều kiện doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh để được hưởng ưu đãi.  - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến này, hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo đánh giá tác động.  - Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến này để thực hiện đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |
|  |  |  |  |
| **II** | **CÁC ĐỊA PHƯƠNG** |  |  |
|  | **UBND tỉnh Cà Mau (CV số 554/CT-THNVDT ngày 01/4/2019 của Cục thuế tỉnh Cà Mau)** | Nhất trí với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Lâm Đồng (CV số 762/CT-NVDT ngày 04/4/2019 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng)** | Nhất trí với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Yên Bái (CV số 706/STC-TCDN ngày 03/4/2019 của Sở Tài chính Yên Bái)** | Nhất trí với nội dung dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Lạng Sơn (CV số 586/STC-TCDN ngày 02/4/2019 của Sở Tài chính Lạng Sơn)** | Nhất trí với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Lào Cai (CV số 1070/CT-THNVDT ngày 29/3/2019 của Cục thuế tỉnh Lào Cai)** | Nhất trí với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Bến Tre (Cv số 744/CT-THNVDT ngày 02/4/2019 của Cục thuế tỉnh Bến Tre)** | Thống nhất với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Gia Lai (Cv số 797/CT-THNVDT ngày 02/4/2019 của Cục thuế tỉnh Gia Lai)** | Thống nhất với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Hà Nam (Cv số 1048/CT-THNVDT ngày 05/4/2019 của Cục thuế tỉnh Hà Nam)** | Nhất trí với dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Quảng Bình (Cv số 460 /UBND-TH ngày 05/4/2019)** | Nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Trà Vinh (Cv số 7321/STC-NS ngày 02/4/2019 của Sở Tài chính Trà Vinh)** | Thống nhất dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Bắc Kạn (Cv số 1785/UBND-KTTCKT ngày 10/4/2019)** | Nhất trí với nội dung dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Bạc Liêu (Cv số 1392/UBND-TH ngày 09/4/2019)** | Thống nhất nội dung dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Phú Yên (Cv số 961/STC-TH ngày 09/4/2019 của Sở Tài chính Phú Yên)** | Thống nhất với cơ cấu và nội dung của dự án NQ. |  |
|  | **UBND Hải Dương (Cv số 1380/CT-THNVDT ngày 08/4/2019 của Cục thuế tỉnh Hải Dương )** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **Bà Rịa – Vũng Tàu (Cv số 2482/CT- THNVDT ngày 09/4/2019 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Bình Thuận (Cv số 1268/UBND-TH ngày 11/4/2019)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Lai Châu (Cv số 410/STC-TCDN ngày 08/4/2019 của Sở Tài chính Lai Châu)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Thái Bình (CV số 765/STC-TCDN ngày 03/4/2019 của Cục thuế tỉnh Thái**  **Bình)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Quảng Ngãi (CV số 757/CT-NVDTPC ngày 04/4/2019 của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Hòa Bình (Cv số của Cục thuế tỉnh Hòa Bình)** | Hoàn toàn nhất trí |  |
|  | **UBND tỉnh Điện Biên (Cv số của Cục thuế tỉnh Điện Biên)** | Nhất trí với dự thảo NQ |  |
|  | **UBND tỉnh Cần Thơ (Cv số 1349/CT-NVDTPC ngày 12/4/2019)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Đà Nẵng (Cv số 2376/UBND-KT ngày 16/4/2019)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Sóc Trăng (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Tây Ninh (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Đắk Nông (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Đắk Lắk (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Vĩnh Long (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh An Giang (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Bình Phước (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Khánh Hòa (Cv số của Cục thuế tỉnh)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Hưng Yên (CV số 282/STC-HCSN ngày 02/4/2019 của Sở Tài chính Hưng Yên)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Thái Nguyên (Cv số 1150/UBND-KT ngày 03/4/2019)** | Nhất trí với nội dung dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Long An (Cv số 778/CT-THNVDT ngày 03/1/2019 của Cục thuế tỉnh Long An)** | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |
|  | **UBND tỉnh Quảng Trị (Cv số 1568/CT-NVDTPC ngày 04/4/2019 của Cục thuế tỉnh Quảng Trị)** | Nhất trí nội dung dự thảo Nghị quyết. |  |
|  | **UBND tỉnh Tiền Giang (Cv số 887/CT-TTHT ngày 04/4/2019 của Cục thuế tỉnh Tiền Giang)** | Cục Thuế thống nhất với nội dung các dự thảo. |  |
|  | **UBND tỉnh Tuyên Quang (Cv số 291/CT-NVDTPC ngày 03/4/2019 của Cục thuế tỉnh Tuyên Quang)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Quảng Trị (Cv số 1568/CT-NVDTPC ngày 04/4/2019 của Cục thuế tỉnh Quảng Trị)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Hậu Giang (Cv số 525/CT-DT ngày 01/4/2019 của Cục thuế tỉnh Hậu Giang)** | Thống nhất với nội dung dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Sơn La (Cv số 1015/STC-QLNS ngày 29/3/2019 của Sở Tài chính tỉnh Sơn La)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Đồng Tháp (Cv số 768 /CT- TTHT ngày 01/4/2019 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Phú Thọ (Cv số của Cục thuế tỉnh Phú Thọ)** | Nhất trí với dự thảo NQ. |  |
|  | **UBND tỉnh Bắc Ninh (Cv số 477/CT-TTHT ngày 01/4/2019 của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh)** | Việc ban hành Nghị quyết của QH để quy định cụ thể mức thuế suất thuế TNDN đối với DNNVV là cần thiết.  Trong lộ trình tiếp tục cải cách thuế đến năm 2030, với xu thế điều chỉnh giảm dần mức thuế suất thuế TNDN. Vì vậy, để NQ được áp dụng ổn định trong thời gian dài, kể cả khi mức thuế suất phổ thông có thay đổi, đề nghị Ban soạn thảo xem xét xây dựng mức thuế suất giảm theo số tương đối (%) so với mức thuế suất phổ thông của cùng thời kỳ, thay vì quy định mức thuế suất cố định như Dự thảo. | Việc quy định mức thuế suất cụ thể như tại dự thảo Nghị quyết là đảm bảo tính đơn giản, rõ ràng và thuận lợi trong thực hiện. Bên cạnh đó, Luật thuế TNDN hiện hành cũng đang trong quá trình nghiên cứu để có những sửa đổi, hoàn thiện cho phù hợp với thực tế của giai đoạn tới. Do vậy, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu các nội dung này trong quá trình xây dựng, sửa đổi Luật thuế TNDN để báo cáo cấp có thẩm quyền, trước mắt chưa đưa vào nội dung Nghị quyết này. |
|  | **UBND tỉnh Thanh Hóa (Cv số 1342/CT-THDT ngày 29/3/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa)** | Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa cơ bản thống nhất với dự thảo Tờ trình xây dựng dự án Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết về một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời tham gia một số ý kiến vào dự thảo Nghị quyết như sau:  1. Tại Khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa đổi, bổ sung thành:  *“Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong* ***03 năm*** *đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh.*  *Sau thời gian miễn thuế theo quy định tại khoản này, trường hợp doanh nghiệp mới thành lập từ hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án đầu tư thuộc ngành nghề, địa bàn ưu đãi thuế thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi thuế (thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế)* ***như thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới*** *tương ứng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.*  *...”.*  2. Tại Điểm a và b, Khoản 2, Điều 3 dự thảo Nghị quyết đề nghị sửa đổi, bổ sung thành:  “a. Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,4%.  b. Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên liệu: 1%.  ...”  Đây là lĩnh vực hoạt động SXKD của các cá nhân nhưng khó khăn hơn các lĩnh vực khác cần được Nhà nước khuyến khích để thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, đồng thời để cơ quan Thuế và các cơ quan khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao có cơ sở để phân tích theo định lượng (có lợi khi thành lập DN) để tuyên truyền, động viên cá nhân, hộ doanh gia đình thành lập doanh nghiệp nhằm phấn phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp theo Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền KTTT định hướng XHCN. | - Tại dự thảo Tờ trình đã phân tích cơ sở xác định mức ưu đãi về thời gian miễn thuế đối với hộ kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp.  - Để đảm bảo tính khách quan và thống nhất phương pháp xác định giữa các lĩnh vực hoạt động, tránh phát sinh trường hợp các lĩnh vực khác cũng yêu cầu được ưu đãi cao hơn, đề nghị giữ như nội dung quy định cụ thể về tỷ lệ nộp thuế theo % doanh thu như dự thảo. |
|  | **UBND tỉnh Quảng Nam (Cv số 2365 /CT-THDT ngày 04/4/2019 của Cục thuế tỉnh Quảng Nam)** | Cục Thuế tỉnh Quảng Nam cơ bản thống nhất và có ý kiến tham gia như sau:  Về nội dung dự thảo Nghị quyết:  - Tại Điều 2: Áp dụng một số chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp  Đề nghị bổ sung thêm:*“Khoản 6. Không miễn thuế TNDN đối với các doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này, hết thời gian miễn làm thủ tục giải thể thành lập doanh nghiệp mới.”*  Để hạn chế các doanh nghiệp lợi dụng chính sách thuế thành lập doanh nghiệp nhằm hưởng ưu đãi thuế TNDN trong 2 năm miễn, sau đó giải thể thành lập doanh nghiệp mới để tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế TNDN.  - Tại Điều 3: Phương pháp tính thuế đối với doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới 3 (ba) tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 (mười) người. Đề nghị sửa lại “Phương pháp tính **thuế thu nhập doanh nghiệp** đối với doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới 3 (ba) tỷ đồng và có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 (mười) người”.  - Tại Điểm 4, Điều 3 quy định “Các trường hợp nộp thuế theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu quy định tại Điều này không phải quyết toán thuế khi giải thể, phá sản” nên sửa lại “Các trường hợp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu quy định tại Điều này không phải **kiểm tra** quyết toán thuế khi giải thể, phá sản”  Vì đối với các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu khai thuế thu nhập doanh nghiệp theo năm do đó đến thời điểm giải thể, phá sản phải khai thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đến thời điểm giải thể, phá sản. | Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến tham gia và bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết nhằm giải quyết tình trạng lợi dụng chính sách:  *“b) Doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh quy định tại khoản này là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu, không bao gồm trường hợp doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới.”.*  - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến để chỉnh sửa nội dung về câu chữ tại dự thảo. |
|  | **UBND tỉnh Nam Định (CV số 1884/CT-THNDVT ngày 29/3/2019 của Cục thuế tỉnh Nam Định)** | 1- Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo NQ:  - Đề nghị bổ sung trường hợp: năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế không trọn năm, doanh nghiệp được đề nghị miễn thuế từ năm tiếp theo nhưng phải có văn bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp.  - Quy định rõ thời gian áp dụng thuế suất: 15%; 17%.  2- Tại khoản 5 Điều 2 dự thảo NQ:  - đề nghị bổ sung thêm gạch đầu dòng thứ 5 vào khoản 5, nội dung như sau: các khoản thu nhập khác theo quy định của Luật thuế TNDN và Luật thuế TNDN sửa đổi. | Bộ Tài chính đã tiếp thu để chỉnh sửa, bổ sung tại điểm c khoản 1 dự thảo Nghị quyết:  *“c) Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế được tính từ năm thứ tư.*  *Trường hợp, trong kỳ tính thuế đầu tiên của doanh nghiệp có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế dưới 12 tháng, doanh nghiệp được lựa chọn hưởng miễn thuế ngay kỳ tính thuế đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo.”.*  - Khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo thể hiện đúng quy định của Luật thuế TNDN và Luật thuế TNDN (sửa đổi). |
|  | **UBND tỉnh Hà Giang (CV số 225/CT-THNVDT ngày 01/4/2019 của Cục thuế tỉnh Hà Giang** | Đề nghị nâng mức doanh thu tính thuế chung DNNVV cả nước có tổng doanh thu từ 3 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng và có số lao động tham gia BHXH bình quân năm không quá 100 người hoặc xây dựng doanh thu theo từng vùng cho phù hợp với tình hình phát triển KT-XH địa phương. | Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ đã phân tích cụ thể về tiêu chí xác định DNNVV được áp dụng ưu đãi đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, Luật thuế TNDN và thực tế đã thực hiện trong giai đoạn qua, đồng thời có tính toán khả năng của NSNN trong điều kiện hiện nay. |
|  | **UBND tỉnh Quảng Ninh (CV số 1205/STC-TCDN ngày 03/4/2019 của Sở Tài chính Quảng Ninh)** | - Căn cứ khoản 6 Điều 15, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của CP quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN, đề nghị BTC bổ sung Khoản 1, Điều 2 dự thảo NQ như sau:  “1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập từ hộ, cá nhân kinh doanh, *trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu tiên kể từ khi có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì* ” | - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến để chỉnh sửa tại điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết. |
|  | **UBND tỉnh Hải Phòng (CV số 661/CT-THNVDT ngày 03/4/2019 của Cục thuế tỉnh Hải Phòng)** | Tại khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/Qh14 của QH ban hành ngày 12/6/2017 quy định hỗ trợ thuế, kế toán: “Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời gian mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.” Tuy nhiên, Điều 2 dự thảo NQ không quy định về thời hạn áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Căn cứ quy định Luật số 04/2017/QH14, Cục thuế Tp Hải Phòng kiến nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung về thời hạn áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với những doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại dự thảo. | - Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu các nội dung này trong quá trình xây dựng, sửa đổi Luật thuế TNDN để báo cáo cấp có thẩm quyền trong thời gian tới, trước mắt chưa đưa vào nội dung Nghị quyết này. |
|  |  |  |  |
| **III** | **Ý KIẾN HIỆP HỘI, DOANH NGHIỆP** |  |  |
| **1** | **Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa VN (Cv số 56/CV-TWHH ngày 28/3/2019)** | Hiệp hội DNNVV thống nhất với dự thảo NQ. Tuy nhiên, để chính sách này phát huy hiệu quả cần thực hiện đồng bộ với các chính sách khác có liên quan như: Chính sách về tín dụng, đào tạo, khoa học và công nghệ. |  |
|  |  | Ý kiến lần 2:  Nghị quyết nên quy định hiệu lực từ 01/8/2019 thay vì dự thảo đưa ra 01/01/2020 vì Luật Hỗ trợ DNNVV đã có hiệu lực từ 01/1/2018 | Về ý kiến này, Bộ Tài chính xin được giải trình như sau: Để phù hợp với kỳ tính thuế TNDN theo năm, phù hợp với tiến độ xây dựng Nghị quyết và công tác tổ chức thực hiện, Bộ Tài chính đề nghị giữ như nội dung dự thảo. |
| **2** | **Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (Cv số 67/HHNH-PLNV ngày 02/4/2019)** | Dự thảo NQ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 mức thuế suất 15% cho doanh nghiệp có tổng doanh thu dưới 3 tỷ và mức 17% cho doanh nghiệp có tổng doanh thu từ 3 tỷ đến 50 tỷ, trong khi doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp có giới hạn doanh thu ở mức 3 tỷ, còn trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ ở mức 10 tỷ (theo Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của CP quy định chi tiết Luật hỗ trợ DNNVV).  Để các đối tượng áp dụng dễ tham chiếu và thống nhất khi thực hiện NQ, đề nghị BST nghiên cứu điều chỉnh theo hướng quy định đối với cùng loại doanh nghiệp siêu nhỏ hay doanh nghiệp nhỏ thì được hưởng mức thuế suất như nhau.  Mặt khác, theo ý kiến của một số doanh nghiệp, để đạt được mục tiêu có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp đến năm 2030 tại NQ số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đề nghị BST nghiên cứu, cân nhắc đưa ra mức giảm thuế mạnh hơn nữa, có thể là thuế suất 10% đối với doanh nghiệp siêu nhỏ và 15% đối với doanh nghiệp nhỏ; đồng thời với mức thuế suất thấp sẽ góp phần hạn chế dần tình trạng gian lận thuế, ẩn doanh thu tránh thuế và tăng thu ngân sách. |  |
| **3** | **Hội kế toán và kiểm toán (Cv số HKT/VP ngày 03/4/2019)** | - Về chủ trương hoàn toàn đồng ý và thấy thực sự cần thiết.  - Điều kiện thực hiện thuế suất 15% và 17% cách quá xa nhau (3 tỷ - 50 tỷ và số lao động từ 10 – 100), do đó cần xem xét lại khoản cách này hợp lý hơn để đảm bảo sự bình đẳng cho DN nộp thuế và tạo cơ hội cho các DN thực hiện CS thuế tự giác hơn;  - Theo pháp luật hiện hành thì phân biệt quy mô DNNVV dựa trên 2 tiêu chí chủ yếu là Vốn và Lao động, như vậy phải chăng Nghị quyết này cũng nên thêm tiêu chí vốn để đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam;  Đề nghị để dễ thực hiện và Nghị quyết đi vào thực tiễn, nên chăng Nghị quyết cần quy định chi tiết cho từng ngành, lĩnh vực kinh doanh như quy định tại khoản 2 điều 3 của Nghị quyết, vì trong thực tiễn các DN sản xuất có số lượng lao động lớn (trên 10 người) nhưng doanh thu rất bé có khi chưa được 3 tỷ, ngược lại các DNTM thì có thể DT lớn trên 3 tỷ nhưng số lao động ít (dưới 10 người), trong trường hợp này áp dụng Nghị quyết này như thế nào? Nếu chỉ cần thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện thì áp dụng theo thuế suất 15% hay 17%? | - Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ đã phân tích rõ cơ sở đề xuất các tiêu chí xác định đối tượng DNNVV để áp dụng ưu đãi, mức ưu đãi....  - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến để chỉnh sửa nội dung dự thảo Nghị quyết để quy định chính sách ưu đãi đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng nhưng không đáp ứng tiêu chí lao động thì vẫn được áp dụng chính sách ưu đãi phù hợp. |
| **4** | **Hội tư vấn thuế Việt Nam (Cv số 20/HTVT ngày 29/3/2019)** | 1. Hội tư vấn thuế (HTVT) nhất trí về tiêu chí phân loại DN để áp dụng ưu đãi thuế TNDN là căn cứ trên doanh thu và số lượng lao động sử dụng hàng năm. Tuy nhiên, đề nghị thể hiện rõ trong văn bản NQ là doanh nghiệp phải đồng thời đáp ứng cả 2 tiêu chí này. Trường hợp DN chỉ đáp ứng 1 tiêu chí, mà tiêu chí còn lại đạt mức thuộc nhóm doanh nghiệp có quy mô lớn hơn thì áp dụng thuế suất thuế TNDN theo mức nhóm quy mô lớn hơn.  2. Nhất trí về các mức thuế suất thuế TNDN 15% và 17% áp dụng cho các DN theo các tiêu thức phân loại nêu trong dự thảo NQ.  3. Nhất trí thời gian ưu đãi miễn thuế TNDN trong thời gian 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế, cho các DN nhỏ và siêu nhỏ. Tuy nhiên, HTVT thấy rằng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN nên được áp dụng cho tất cả các DN mới thành lập, bao gồm cả DN chuyển từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lên công ty, nhằm đảm bảo công bằng và tạo động lực chuyển đổi, nếu không chuyển đổi thì hộ, cá nhân kinh doanh sẽ không được ưu đãi bằng doanh nghiệp mới thành lập.  4. Nhất trí với đề xuất quy định tính thuế TNDN theo tỷ lệ trên doanh thu đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ xác định được doanh thu, nhưng không xác định được đầy đủ chi phí để tính thu nhập chịu thuế TNDN. Tuy nhiên HTVT đề nghị thể hiện rõ trong dự NQ: đối với các doanh nghiệp này phải áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, trên cơ sở xác định được doanh thu nhưng không xác định được đầy đủ chi phí để tính thuế TNDN thì được áp dụng phương pháp tính thuế TNDN theo tỷ lệ trên doanh thu. Quy định như vậy để làm rõ các DN này sẽ áp dụng kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, tránh phải có thêm văn bản pháp quy khác hướng dẫn. | - Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến để chỉnh sửa nội dung dự thảo Nghị quyết để quy định chính sách ưu đãi đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng nhưng không đáp ứng tiêu chí lao động thì vẫn được áp dụng chính sách ưu đãi phù hợp.  - Để tập trung khuyến khích đối tượng hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, Bộ Tài chính đề nghị giữ như nội dung dự thảo Nghị quyết.  - Đây là nội dung mang tính kỹ thuật, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu để thể hiện tại văn bản hướng dẫn Nghị quyết. |